

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 19-4-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Minh Diệp  
Ông Nguyễn Hữu Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Cẩm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14/02/2022, về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số **261/2021/HNGĐ-ST** ngày 29/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02A/2022/QĐXXDS-PT ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Nguyễn Hữu M**, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày:***

**- Về quan hệ hôn nhân:** ông và bà Nguyễn Thị Kim A chung sống với nhau từ năm 1986 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian dài, sau đó phát sinh mâu thuẫn, đến nay cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không quan

tâm nhau, tình cảm giữa ông và bà Anh không còn nữa. Vì vậy, ông A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà A là vợ chồng.

- *Về con chung*: Vợ chồng ông có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim V sinh năm 1989, Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1996 đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà thống nhất với nội dung trình bày của ông M. Nay bà và ông M không sống chung được nữa nên bà đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng bà có 03 con chung như ông M trình bày; các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Với nội dung như trên***; Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số **261/2021/HNGĐ-ST** ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng các Điều 28, 35, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M.

- Không công nhận ông M và bà A là vợ chồng.

- Về tài sản chung, cho mượn nợ, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HNGĐ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa Bản án số **261/2021/HNGĐ-ST** ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, xác định quan hệ giữa ông Nguyễn Hữu M và bà Nguyễn Thị Kim A là vợ chồng và quyết định cho các bên được ly hôn.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam giữ nguyên kháng nghị với nội dung như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn không chấp hành tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Núi Thành, sửa Bản án sơ thẩm số: **261/2021/HNGĐ-ST** ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo hướng xác định quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà A là vợ chồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông M và bà A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã kháng nghị bản án sơ thẩm tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HNGĐ. Xét thấy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý để giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

*[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đề nghị xác định quan hệ giữa ông Nguyễn Hữu M và bà Nguyễn Thị Kim A là vợ chồng và quyết định cho các bên được ly hôn:*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông Nguyễn Hữu M sinh ngày 08/10/1967 và bà Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 04/6/1966 đã làm đám cưới vào tháng 9/1986 và về chung sống với nhau cùng một nhà nhưng chưa đăng ký kết hôn; trong thời gian chung sống ông M và bà A đã có 03 con chung. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và mục 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, thì ông M và bà A được pháp luật công nhận là vợ chồng (hôn nhân thực tế) và nếu có yêu cầu ly hôn thì được áp dụng quy định về ly hôn để giải quyết. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, không công nhận ông M và bà A là vợ chồng là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân; căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu M và bà Nguyễn Thị Kim A.

[3] Ngoài ra, trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vợ chồng có 03 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại căn cứ vào các Điều 81, 82, 83,

84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đúng; cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông M.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: **261/2021/HNGĐ-ST** ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam về quan hệ hôn nhân.

Áp dụng các Điều 28, 35, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; mục 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu M và bà Nguyễn Thị Kim A.

**2.** Về án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Hữu M phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003318 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/4/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Núi Thành;
- CCTHADS huyện Núi Thành;
- UBND xã Tam Tiến, huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Liên**